

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bảo Th, sinh năm 1996

Bị đơn: Anh Đào Văn H, sinh năm 1993

Đồng địa chỉ: Xóm 2, thôn A, xã C, huyện V, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Bảo Th và anh Đào Văn H;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bảo Th và anh Đào Văn H thuận tình ly hôn

2.2. Về con chung: Giao con chung Đào Minh Kh, sinh ngày 07/9/2019 cho chị Phạm Thị Bảo Th trực tiếp nuôi dưỡng;

2.3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Đào Văn H tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng cho con chung Đào Minh Kh 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng) đến khi con chung tròn 18 tuổi

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Phạm Thị Bảo Th và anh Đào Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đào Văn H phải chịu 75.000đ tiền án phí hôn nhân và 150.000đ tiền án phí về cấp dưỡng cho con. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh H phải chịu là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Phạm Thị Bảo Th phải nộp 75.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Th chấp nhận nộp thay cho anh Đào Văn H 225.000đ. Tổng số tiền án phí chị Th chịu nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí sang tiền án phí cho chị Th theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012298 ngày 29/10/2021 của chị cục Thi hành án dân sự huyện V.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. V;
- UBND xã C, H. V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Duy